

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Tiến Lả.

2. Bà Dương Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lành Văn Đ, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N kết hôn với anh Lành Văn Đ vào năm 2013; trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn,

hai vợ chồng chung sống tại Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống gia đình hạnh phúc. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, không hòa hợp với nhau. Anh Lành Văn Đ thường xuyên đi uống rượu say về nhà có hành vi đánh chị Hoàng Thị N. Chị Hoàng Thị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hoàng Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Lành Văn Đ.

Về con chung: Có một người con chung tên là Lành Nhã U, sinh ngày 18/4/2014; cháu bị khuyết tật đặc biệt nặng. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị N yêu cầu anh Lành Văn Đ trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung cả cuộc đời; chị Hoàng Thị N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Lành Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lành Văn Đ xác nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống như chị Hoàng Thị N trình bày là đúng. Do hoàn cảnh khó khăn, khi con chung Lành Nhã U được 09 tháng tuổi thì chị Hoàng Thị N đi làm công ty đến nay. Anh Lành Văn Đ ở nhà trông nom chăm sóc con cái. Anh Lành Văn Đ sống ly thân với chị Hoàng Thị N từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Hiện nay, chị Hoàng Thị N yêu cầu ly hôn, anh Lành Văn Đ chỉ nhất trí ly hôn khi chị Hoàng Thị N đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lành Nhã U.

Về con chung: Có một người con chung tên là Lành Nhã U, sinh ngày 18/4/2014. Cháu bị bệnh khuyết tật đặc biệt nặng. Khi ly hôn, anh Lành Văn Đ yêu cầu chị Hoàng Thị N trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung cả cuộc đời; anh Lành Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Lý do, anh Lành Văn Đ cho rằng anh đã chăm sóc nuôi dưỡng cháu từ nhỏ cho đến nay. Chị Hoàng Thị N phải có trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lành Nhã U.

Qua xác minh, đại diện gia đình anh Lành Văn Đ cho biết chị Hoàng Thị N và anh Lành Văn Đ kết hôn vào năm 2013; sau khi kết hôn chung sống với gia đình bố mẹ chồng. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn. Chị Hoàng Thị N đi làm công nhân từ lúc cháu Lành Nhã U được 09 tháng tuổi. Quá trình đi làm công ty, chị Hoàng Thị N vẫn về thăm gia đình cho đến tháng 04/2021 thì chị Hoàng Thị N không về thăm gia đình nữa. Cháu Lành Nhã U bị khuyết tật đặc biệt nặng nên hàng ngày đều có 03 người là ông nội, bà nội và anh Đại chăm sóc, trông nom.

Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện Thôn B, xã T, huyện B cho biết hoàn cảnh gia đình anh Lành Văn Đ thuộc hộ cận nghèo, làm nghề nông, tài sản có ruộng và rừng hời. Quá trình anh Lành Văn Đ chăm sóc con cái không có

điều tiếng gì và cũng không có phản ánh về mâu thuẫn, bạo lực gia đình. Chị Hoàng Thị N không về thăm gia đình từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Tòa án tiến hành xác minh với đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện B cho biết cháu Lành Nhã U, sinh ngày 18/4/2014 bị khuyết tật đặc biệt nặng. Từ năm 2017, cháu Lành Nhã U được hưởng trợ cấp 900.000đ/tháng và 01 xuất người phục vụ là 360.000đ/tháng, anh Lành Văn Đ là người nhận trợ cấp này. Quá trình chăm sóc cháu Lành Nhã U, Ủy ban nhân dân xã Tân Văn không nhận được thông tin ngược đãi hoặc không đồng ý chăm sóc cháu Lành Nhã U.

Qua xác minh đại diện gia đình bố mẹ đẻ chị Hoàng Thị N cho biết gia đình ông Hoàng Văn Thụ và bà Hứa Thị Năm thuộc hộ cận nghèo. Chị Hoàng Thị N đi lấy chồng là anh Lành Văn Đ nên tại địa phương không có tài sản chung với bố mẹ. Chị Hoàng Thị N đi làm công ty thì thoả có về thăm gia đình. Trong trường hợp chị Hoàng Thị N nuôi cháu Lành Nhã U thì gia đình ông Thụ và bà Năm không cho phép ở chung với bố mẹ vì cháu không mang họ Hoàng. Còn đại diện thôn Nam Tiến, xã Hồng Phong cho biết chị Hoàng Thị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3/2021, chị Hoàng Thị N thường xuyên đi làm công ty, không hay có mặt tại địa phương, không có tài sản riêng. Tại địa phương, việc con gái đi lấy chồng thì tài sản của bố mẹ cho để lại cho con cái hay không là do bố mẹ quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị N. Về con chung: Giao cháu Lành Nhã U, sinh ngày 18/4/2014 cho anh Lành Văn Đ trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung cả cuộc đời; chị Hoàng Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và được thăm nom con chung không ai được cản trở; chị Hoàng Thị N phải thực hiện lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lành Văn Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản tự khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Lành Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Lành Văn Đ là hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, anh Lành Văn Đ thường xuyên đi uống rượu, thi thoảng có cãi vã, đánh nhau, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, việc anh Lành Văn Đ chỉ đồng ý ly hôn khi chị Hoàng Thị N đồng ý nuôi con cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Đại gây khó dễ cho việc ly hôn của chị Nhất; mặt khác chị Hoàng Thị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Nam Tiến, xã Hồng Thái, huyện B và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay; phù hợp với tài liệu kết quả xác minh của Tòa án. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Lành Văn Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Hoàng Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lành Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Có một người con chung tên là Lành Nhã U, sinh ngày 18/4/2014. Qua lời khai của đương sự và biên bản xác minh của Tòa án xác định cháu Lành Nhã U bị khuyết tật đặc biệt nặng được Nhà nước trợ cấp mỗi tháng 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) và một người phục vụ 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Cháu Lành Nhã U sinh sống từ nhỏ với anh Lành Văn Đ. Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh hiện nay anh Lành Văn Đ là người chăm sóc cháu từ nhỏ, không có phản ánh về bạo hành, ngược đãi trẻ em hoặc không đồng ý chăm sóc con cái; anh Lành Văn Đ cũng là người nhận trợ cấp xã hội để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu; gia đình vẫn có ông bà cùng hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lành Nhã U, về tài sản gia đình có ruộng và rừng hồi. Chị Hoàng Thị N đi làm công ty, không có nhà ở cố định, phải thuê trọ, không có tài sản riêng. Do đó, để cho anh Lành Văn Đ nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp bảo đảm quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, giao cháu Lành Nhã U cho anh Lành Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả cuộc đời. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị

Hoàng Thị N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng cả cuộc đời và tính từ tháng 8 năm 2022 cho cháu Lành Nhã Uyên; phương thức cấp dưỡng thực hiện theo hàng tháng và chị Hoàng Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị N và anh Lành Văn Đ trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Tổng án phí chị Hoàng Thị N phải chịu là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005546 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Hoàng Thị N phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để sung ngân sách nhà nước.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lành Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lành Nhã U, sinh ngày 18/4/2014 cho anh Lành Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả cuộc đời. Chị Hoàng Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một

triệu năm trăm nghìn đồng); phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng cả cuộc đời cháu Lành Nhã U và tính từ tháng 8 năm 2022. Chị Hoàng Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005546 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hoàng Thị N phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để sung ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt